

Số: 701 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030;

Căn cứ Thông báo số 1058-TB/TU ngày 03/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 53/TTr-STTTT ngày 20/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Th*

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT TU, TT HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, XDCB, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 04/12/2024)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/04/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 2304/BTTTT-THH ngày 29/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 699/QĐ-BTTTT ngày 03/5/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Chiến lược AI ứng dụng)

- Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030; Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 04/6/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt đề án “Xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030”;

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh

Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch hành động số 313/KH-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030;

- Kế hoạch số 4573/KH-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025;

- Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Ninh;

- Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

- Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

- Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin mạng. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; nâng cao chất lượng cung cấp và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Xây dựng và phát triển hạ tầng số làm nền tảng cho việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.

Cải thiện điểm số, duy trì và nâng cao vị trí xếp hạng của tỉnh Bắc Ninh về các chỉ số liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cải

cách hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang lên 95%.
- Phủ sóng 5G tại các Khu công nghiệp, Trung tâm thành phố, huyện, thị và các khu đô thị;
 - 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
 - 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua các hệ thống báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của tỉnh với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống khác theo quy định.
 - 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ứng dụng CNTT trong tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của người dân.
 - Bắc Ninh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước trên bảng xếp hạng đánh giá chỉ số Chuyển đổi số hằng năm
 - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ: cấp tỉnh tối thiểu 95%; cấp huyện tối thiểu 90%; cấp xã tối thiểu 85%;
 - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%;
 - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: Trung tâm hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã đạt tối thiểu 98%.
 - Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính lịch sử còn hiệu lực: cấp tỉnh 100%; cấp huyện 100%; cấp xã 100%;
 - Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử (Danh mục các hồ sơ, giấy tờ thuộc phạm vi thực hiện số hóa được quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ): cấp tỉnh 100%; cấp huyện 100%; cấp xã 100%;
 - 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn định danh cá nhân.
 - Tỷ lệ hồ sơ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: cấp huyện tối thiểu 90%; cấp xã tối thiểu 90%;
 - 100% cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà theo chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông.
 - Tỷ trọng thương mại điện tử/tổng doanh thu bán lẻ toàn tỉnh từ nay đến năm 2025 đạt tối thiểu 40%
 - Kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh.
 - Đạt tối thiểu phát triển 356 doanh nghiệp công nghệ số trên

địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành chi trả cho đối tượng hưởng chính sách An sinh xã hội đảm bảo 100% các trường hợp có tài khoản được thực hiện chi trả qua tài khoản.

- Số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh có sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt tối thiểu 388.479.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

Thiết lập, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các kênh truyền thông (Công thông tin điện tử của chính quyền; báo, tạp chí điện tử, đài phát thanh, đài truyền hình, hệ thống truyền thông cơ sở của địa phương; mạng xã hội và các phương tiện truyền thông công cộng khác) nhằm chuyển đổi nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công (nhiệm vụ mang tính thường xuyên, liên tục).

2. Thể chế, chính sách số

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã được tỉnh ban hành trong thời gian vừa qua.

- Kịp thời hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng đặc thù tốc độ thay đổi nhanh chóng của lĩnh vực CNTT.

- Xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh như chính sách khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp (giảm phí, lệ phí trong giải quyết TTHC, miễn phí cấp chứng thực bản sao điện tử, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách về chuyển đổi số: Chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin thực hiện công tác tham mưu về chuyển đổi số, chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số, chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tiếp tục cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 3.0 theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền

thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số, đảm bảo phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử;

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng CNTT của các ngành và địa phương; đầu tư, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị CNTT, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi đã lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu công việc đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả, kết nối đồng bộ giữa các thiết bị. Khai thác hiệu quả trung tâm dữ liệu tỉnh, có lộ trình chuyển dịch sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây và từng bước chuyển đổi sang phương án thuê dịch vụ.

- Triển khai nền tảng Trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tiếp tục từng bước thực hiện chuyển đổi hạ tầng CNTT của các cơ quan, đơn vị về Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo tiết kiệm, kết nối đồng bộ giữa các thiết bị, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm sát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính quyền số.

- Kết nối hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến giữa khối chính quyền và khối Đảng vận hành trên đường truyền tốc độ cao bảo đảm chất lượng về hình ảnh, âm thanh tại các điểm cầu các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và liên thông với hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành. Triển khai Đề án mở rộng, bổ sung và nâng cao chất lượng hệ thống hội nghị truyền hình ba cấp tỉnh Bắc Ninh (từ năm 2024 đến năm 2026).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số; các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý vận hành, hình thành dữ liệu quản lý của các ngành, kho dữ liệu của tỉnh.

- Rà soát, xóa các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; Tổ chức thực hiện từng bước theo lộ trình cụ thể bảo đảm mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh; phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông có kế hoạch phát triển mạng viễn thông hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các khu

vực khó khăn bảo đảm mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

- Triển khai hướng dẫn, đẩy mạnh việc cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hoá (như sổ sức khoẻ điện tử, học bạ số...).

- Nghiên cứu xây dựng Kế hoạch chuyển hạ tầng CNTT về Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo phù hợp với lộ trình của Bộ Công an và tình hình thực tế của tỉnh.

- Đẩy mạnh đầu tư vào các hạ tầng băng rộng, ứng dụng các công nghệ mới. Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/...) trên phạm vi toàn tỉnh; Tiếp tục chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp. Tích hợp sử dụng hạ tầng điện toán đám mây vào các hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn kết nối, dự phòng cho các kết nối vật lý, các nguồn cung cấp cơ sở thiết yếu (năng lượng, nước, cáp truyền thông) cho các các khu công nghệ cao, khu CNTT tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ số (AI, blockchain, IoT) đáp ứng yêu cầu ứng dụng chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số.

4. Dữ liệu số

- Tiếp tục xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo định hướng tại Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của HĐND tỉnh, nội dung tại Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 08/6/2022; Đề án Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030; tích hợp các CSDL chuyên ngành của tỉnh, kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để hình thành Kho Dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai cung cấp dữ liệu mở theo quy định tại Nghị định 47/2024/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các cơ quan, đơn vị triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa phải tuân thủ cấu trúc dữ liệu chuyên ngành, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về dữ liệu chuyên ngành.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Triển khai tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị theo cơ chế mỗi

người dùng chỉ có 01 tài khoản duy nhất và chỉ phải đăng nhập 01 lần để sử dụng các ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, phân quyền đảm bảo tính thống nhất.

- Triển khai xây dựng Chiến lược dữ liệu tỉnh Bắc Ninh; xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung của tỉnh;

- Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hoá trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5. Nhân lực số

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp về chuyển đổi số; đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho đội ngũ cán bộ, công chức; cán bộ chuyên trách; người dân, doanh nghiệp; cơ quan, cá nhân thuộc Mạng lưới chuyên đổi số; ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến. Triển khai tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho giáo viên, học sinh, sinh viên; cho cán bộ viên chức ngành y tế; cho các thành viên các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội – nghề nghiệp, xã hội – nghề nghiệp.

- Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa; triển khai có hiệu quả các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

- Tổ chức giáo dục kiến thức, kỹ năng số trong các cơ sở giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; tổ chức đào tạo, phát triển kỹ năng số cho người dân và người lao động trong các doanh nghiệp góp phần hình thành công dân số.

- Đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy

chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia, phấn đấu đảm bảo mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức được tổ chức bảo đảm an toàn thông tin thực chất, toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên, khuyến nghị tổ chức giám sát, bảo vệ đầy đủ các lớp: lớp mạng, lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu, lớp thiết bị đầu cuối.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối;

- Triển khai rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt, đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng. Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng. Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến “offline”. Với chiến lược dữ liệu sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao lưu dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ ổ cứng di động, ...). Dữ liệu sao lưu phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin trong sử dụng các phần mềm, sử dụng thiết bị di động thông minh cho cán bộ, công chức, viên chức. Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo, tập huấn được tổ chức trong, ngoài tỉnh, các khóa đào tạo của các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn tỉnh.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với cá hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp).

- Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng năm 2025, trong đó, đảm bảo có tổ chức diễn tập thực chiến cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và nâng cao năng lực của đội ứng cứu sự cố (Quyết định số 2029/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Mô hình đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng”).

-100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

7. Chính phủ số

7.1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số để phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Có thể thí điểm, thử nghiệm hoặc triển khai với quy mô nhỏ trước, ở một số lĩnh vực trước để có giải pháp phải tổng thể, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu, thống nhất với Trung ương, địa phương và không chồng chéo.

- Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp nhằm mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội). Tăng cường sử dụng ứng dụng phản ánh kiến nghị tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để kịp thời nắm bắt, giải quyết những vấn đề về trật tự đô thị, môi trường,... của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để đẩy mạnh cung cấp và nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người

dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng. Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID. Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hoá, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc.

7.2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử, công nghệ thông tin điện tử, ứng dụng chữ ký số,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy, tiến tới sử dụng trao đổi công việc giữa các cơ quan nhà nước hoàn toàn bằng văn bản điện tử.

- Tăng cường sử dụng phần mềm “hộp không giấy tờ” tại các phiên họp thường kỳ của cấp tỉnh, cấp huyện tích hợp với hệ thống quản lý văn bản và điều hành giúp tiết kiệm thời gian và chi phí in ấn tài liệu trong tổ chức cuộc họp.

- Xây dựng các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, mang tính phục vụ cao, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Năm 2025 dự kiến triển khai một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sau: hệ thống thông tin trong các khu công nghiệp, hệ thống thông tin ngành Công thương, hệ thống quản lý CSDL bảo tồn di sản văn hóa số, CSDL công chứng, Số hóa sổ hộ tịch,...

- Triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để báo cáo các chỉ tiêu và các báo cáo khác theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC

- Triển khai ứng dụng Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ Cán bộ công chức viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức cung cấp dữ liệu mở theo đúng quy định trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.

- Hướng dẫn triển khai ứng dụng AI giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng AI trong hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt; hoá đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số, ... trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Tập trung thúc đẩy các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số của tỉnh. Quan tâm phát triển kinh tế số trong một số ngành, lĩnh vực như: thương mại điện tử; nông nghiệp; văn hoá, du lịch; logistics; công nghiệp sản xuất, chế tạo; phát triển kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng; phát triển kinh tế số gắn liền với tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững.

- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Tổ chức triển khai chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp Doanh nghiệp tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.

Triển khai xây dựng khu CNTT tập trung của tỉnh để thu hút, đón làn sóng đầu tư chất lượng cao, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số trong nước nghiên cứu, làm chủ công nghệ.

Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng trên các sàn thương mại điện tử lớn, có uy tín để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước. Triển khai các hoạt động để người dân được tìm hiểu, trải nghiệm sử dụng các ứng dụng, nền tảng số dùng chung.

Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội,... nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Đưa nội dung đào tạo về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số vào chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; chính sách khuyến khích hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm công nghệ do các doanh nghiệp trong nước sản xuất. Ưu tiên đầu tư, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước theo hình thức thuê dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực CNTT như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối... để xây dựng Chính quyền điện tử/ Chính quyền số đô thị thông minh nhằm tạo ra các kết quả mới, có tính đột phá.

- Cử cán bộ chuyên trách về CNTT có trình độ chuyên môn đi đào tạo chuyên sâu về quản trị, vận hành các hệ thống CNTT của tỉnh để từng bước làm chủ công nghệ.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Có chế độ, chính sách ưu đãi đối với nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, có trình độ, có kỹ năng về làm việc trong các cơ quan, nhà nước.

- Nghiên cứu có cơ chế thu hút các trường Đại học có khoa CNTT lựa chọn đặt cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác

- Tăng cường sự hỗ trợ của Bộ, ngành Trung ương trong việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và thành phố thông minh.

- Tranh thủ ký kết thỏa thuận hợp tác, sử dụng nguồn lực của các Tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trong và ngoài tỉnh để thúc

đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh Bắc Ninh.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học, các cơ sở đào tạo lớn có uy tín về công nghệ thông tin.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

* Tổng kinh phí thực hiện “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh năm 2025” sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên là **222,18 tỷ đồng**, gồm 42 nhiệm vụ, dự án; cụ thể:

- 23 nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp: 93,20 tỷ đồng;

- 19 nhiệm vụ, dự án đề xuất mới năm 2025: 128,98 tỷ đồng.

Đối với dự án của Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Tỉnh Bắc Ninh chỉ hỗ trợ kinh phí; quy trình, trình tự thủ tục đầu tư, mua sắm thực hiện theo quy định của ngành dọc.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai kế hoạch này; thực hiện đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh với UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính bảo đảm các dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được triển khai đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đào tạo, tập huấn về CNTT, chuyển đổi số cho các cán bộ, công chức theo chuẩn kỹ năng CNTT được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án CNTT, chuyển đổi số thuộc Kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện lồng ghép đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan nhà nước về xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số; xem xét, đưa kết quả đánh giá mức độ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương vào các tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành, địa phương rà soát, thống kê và đảm bảo phương án bố trí biên chế công chức chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn

vị, địa phương từ nguồn biên chế được giao của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, tập huấn về CNTT, chuyển đổi số cho các cán bộ công chức theo chuẩn kỹ năng CNTT được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho giáo viên, học sinh, sinh viên. Xây dựng chương trình ngoại khóa về năng lực số, kỹ năng số, văn hóa số cho đối tượng là học sinh từ trung học trở lên giúp trang bị điều kiện cơ bản hình thành công dân số trong tương lai, hướng tới hình thành các cuộc thi để nâng cao năng lực, kỹ năng cho học sinh, sinh viên.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

5. Sở Tư pháp

Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ phí chứng thực Thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Khuyến khích người dân, doanh nghiệp chứng thực hồ sơ, giấy tờ lưu trữ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh).

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

- Chủ trì phối hợp Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan: Rà soát, tham mưu xây dựng Đề án về hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong Khu công nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ một phần để có cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp triển khai đầu tư hạ tầng tại Khu công nghiệp;

- Sớm tham mưu triển khai Khu công nghệ thông tin tập trung để thu hút đầu tư với các doanh nghiệp công nghệ số, nghiên cứu lựa chọn nhà đầu tư tiềm năng, có năng lực triển khai.

6. Trung tâm hành chính công tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương rà soát đánh giá cơ sở vật chất, đường truyền, phần mềm đáp ứng triển khai Thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 09/2024.

5. Công an tỉnh

Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Đề án phát triển ứng dụng

dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

6. Đề nghị Tỉnh đoàn Bắc Ninh

- Phối hợp với các đơn vị liên quan và các địa phương tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa; Phối hợp với các địa phương triển khai tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số, kỹ năng công dân số cho các đoàn viên thanh niên;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đảm bảo 100% người dân trưởng thành đủ điều kiện (dưới 55 tuổi) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có chữ ký số công cộng trong năm 2025;

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

7. Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo triển khai chuyển đổi số; người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo, trực tiếp làm, trực tiếp dùng các nền tảng số hàng ngày và sử dụng thành thạo thì công tác triển khai chuyển đổi số mới thành công.

- Rà soát toàn bộ các chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ quản lý chuyên ngành về công tác chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực; lựa chọn, tham mưu triển khai các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo tránh chồng lấn với cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành và đảm bảo khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; trong đó, tập trung số hoá hồ sơ ngành, lĩnh vực: Tư pháp; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo.

- Tập trung triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã giao tại Nghị quyết 52-NQ/TU ngày 18/3/2022, Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 05/10/2023, Thông báo kết luận số 1152-KL/TU ngày 24/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý.

- Chủ trì thực hiện các dự án, nhiệm vụ nêu trong danh mục tại Phụ lục, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo đúng trình tự thủ tục, đúng các quy định hiện hành.

- Tăng cường sử dụng các hệ thống CNTT hiện có, nhất là các phần mềm

dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc; đẩy mạnh việc dùng chung đối với cơ sở hạ tầng và các ứng dụng CNTT; tăng cường thực hiện việc chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp theo quy định; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo đúng lộ trình.

- Ưu tiên bố trí biên chế để tuyển dụng cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình phục vụ công tác tham mưu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số thiết thực, hiệu quả.

- Nghiên cứu, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ thông tin triển khai thử nghiệm ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (không sử dụng ngân sách nhà nước); từ đó, đánh giá sự phù hợp, tính khả thi, hiệu quả làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực đồng thời bảo đảm hiệu quả, thực chất.

- Báo cáo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất việc thực hiện kế hoạch này theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đánh giá kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

VII. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

Danh mục dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong Phụ lục kèm theo.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, yêu cầu các cơ quan liên quan kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 701 /QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: tỷ đồng.

I. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	TMĐT/ Khái toán	Đã phân bổ năm 2024	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
Tổng cộng (23 nhiệm vụ, dự án)				120,04	22,78	93,20	
1	Xây dựng hệ thống quản lý người dùng các phần mềm dùng chung của tỉnh, các công cụ tiện ích	Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2025	9,93	2,03	7,91	
2	Triển khai đầu tư bổ sung một số hệ thống, thiết bị và phần mềm phục vụ công tác giám sát, kiểm soát đối với các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh		2024-2025	14,50	6,65	7,50	
3	Tái cấu trúc hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối các cơ quan		2024-2025	4,88	2,37	2,51	
4	Triển khai nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	2023-2025	4,25	3,21	1,05	Thuê theo năm
5	Hệ thống thông tin trong các Khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	2023-2025	9,44	2,95	6,49	
6	Hệ thống thông tin ngành Công thương	Sở Công thương	2024-2026	5,27		2,21	Năm 2024: Triển khai thí

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	TMĐT/ Khái toán	Đã phân bổ năm 2024	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
							điểm/thử nghiệm
7	Xây dựng Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu bảo tồn di sản văn hóa số gắn với khai thác quảng bá du lịch tỉnh Bắc Ninh	Sở VH TTDL	2024-2025	4,45		4,45	
8	Số hóa tư liệu, hiện vật Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh	Sở VH TTDL	2024-2025	3,74		3,74	
9	Cơ sở dữ liệu công chứng	Sở Tư pháp	2024-2025	9,96		9,96	
10	Số hóa Sổ hộ tịch	Sở Tư pháp	2024-2025	10,08		10,08	
11	Đầu tư nâng cấp máy chủ chuyên dụng, thiết bị lưu trữ, tường lửa và các điều kiện khác cho các đơn vị đảm bảo triển khai BAĐT. Trang bị thiết bị phòng họp điều hành đa năng; Hệ thống hội nghị truyền hình; hệ thống hiển thị; hệ thống âm thanh tại Sở Y tế và các đơn vị trong ngành	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế	2024-2025				Gộp 02 dự án thành 01 dự án
11.1	Bệnh viện Sản nhi			2,13		2,13	
11.2	Bệnh viện Mắt			2,64		2,64	
11.3	Bệnh viện YHCT và PHCN			2,34		2,34	
11.4	Bệnh viện Phổi			2,27		2,27	
11.5	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần			2,35		2,35	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	TMĐT/ Khái toán	Đã phân bỏ năm 2024	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
11.6	Bệnh viện Da liễu			1,48		1,48	
12	Phần mềm Tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	Sở GDĐT	2024-2025	1,56		1,56	Thuê dịch vụ
13	Học bạ điện tử, sổ điểm điện tử	Sở GDĐT	2024-2025	1,30		1,30	Thuê dịch vụ
14	Phần mềm Sổ sách điện tử	Sở GDĐT	2024-2025	1,80		1,80	Thuê dịch vụ
15	Quản lý học phí và thanh toán không dùng tiền mặt	Sở GDĐT	2024-2025	1,80		1,80	Thuê dịch vụ
16	Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở GDĐT	2024-2025	1,80		1,80	Thuê dịch vụ
17	Phần mềm quản lý, số hóa văn bằng chứng chỉ	Sở GDĐT	2024-2025	1,50		1,50	Thuê dịch vụ
18	Quản lý thư viện trực tuyến; quản lý học tập điện tử kết hợp với kho học liệu số dùng chung	Sở GDĐT	2024-2025	6,75		6,75	Thuê dịch vụ
19	Nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh (Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử; hệ thống Công thông tin điện tử; ...)	Trung tâm CNTT, Sở TTTT	2024-2025	10,00	4,47	5,00	
20	Triển khai chiến lược dữ liệu cho tỉnh Bắc Ninh	Sở TT&TT	2024-2025	0,72	0,67		Đã phân bổ đủ
21	Triển khai thí điểm Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở TT&TT	2024-2025	0,54		0,54	
22	Thí điểm cung cấp dữ liệu mở	Sở TT&TT	2024-2025	2,06		2,06	
23	Cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử theo hướng dẫn của Bộ TT&TT	Sở TT&TT	2024-2025	0,50	0,43		Đã phân bổ đủ

II. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI MỚI NĂM 2025

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Dự kiến TMĐT/ Khái toán	Dự kiến KH vốn năm 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (19 nhiệm vụ, dự án)			146,44	128,98	
A	Dự án, nhiệm vụ thuộc Nghị quyết số 230/NQ-HĐND (04 nhiệm vụ)					
1	Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh của tỉnh Bắc Ninh	Sở TT&TT	2025	5,20	5,20	
2	Xây dựng Công thông tin điện tử và Apps giới thiệu và quảng bá di sản văn hóa, lịch sử đất và người Bắc Ninh trên máy tính cá nhân và điện thoại thông minh	Sở VHTTDL	2025	3,21	3,21	
3	Xây dựng hệ thống ứng dụng Apps thuyết minh tự động và trợ lý ảo về di sản văn hóa, lịch sử tỉnh Bắc Ninh ứng dụng công nghệ trí tuệ thông minh nhân tạo AI		2025	3,94	3,94	
4	Xây dựng hệ thống thư viện điện tử, thư viện số tỉnh Bắc Ninh		2025-2026	11,00	3,50	
B	Dự án, nhiệm vụ không thuộc Nghị quyết số 230/NQ-HĐND (15 nhiệm vụ)					
1	Triển khai trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức	Sở TT&TT	2025	5,00	5,00	
2	Trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp	Sở TT&TT	2025	3,00	3,00	
3	Nâng cấp phần mềm Quản lý tài liệu lưu trữ tỉnh Bắc Ninh	Sở Nội vụ	2025	0,30	0,30	2015/UBND-XDCB ngày 11/6/2024
4	Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Ninh	Sở Nội vụ	2025-2027	5,80	2,06	Thuê dịch vụ trong 3 năm

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Dự kiến TMĐT/ Khái toán	Dự kiến KH vốn năm 2025	Ghi chú
5	Nâng cấp, bổ sung Hệ thống thư điện tử, Hệ thống cổng thông tin điện tử và Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Trung tâm CNTT&TT	2025-2026	6,00	6,00	
6	Triển khai đầu tư bổ sung hệ thống lưu trữ dữ liệu SAN tại Trung tâm dữ liệu tỉnh		2025-2026	11,58	11,58	
7	Triển khai các nội dung nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho người sử dụng máy tính trong mạng Truyền số liệu chuyên dùng		2025-2026	2,83	2,83	
8	Nâng cấp hạ tầng hệ thống camera được tài trợ tại các điểm phạt nguội		2025	2,63	2,63	Hệ thống camera do Viettel tài trợ năm 2018
9	Trang bị phần mềm bản quyền Microsoft Office cho cán bộ, công chức khối cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh		2025	5,54	5,54	
10	Số hoá hồ sơ và quản lý dữ liệu người có công với cách mạng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2026	Sở LĐT&XH	2024-2026	12,76	9,54	Công văn số 3760/UBND-XDCB ngày 03/10/2024
11	Thí điểm mô hình phường chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn Thành phố Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh	2025			Thông báo kết luận số 1041-TB/TU ngày 14/11/2024
12	Xây dựng ứng dụng di động tập trung phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Sở TT&TT	2025	10,0	7,0	
13	Hoạt động ứng dụng CNTT triển khai nâng cấp trang thiết bị, các giải pháp bảo mật đảm bảo an toàn hệ thống thông tin Công an tỉnh	Công an tỉnh	2025	12,99	12,99	Tỉnh Bắc Ninh chỉ hỗ trợ kinh phí. Quy trình, thủ tục đầu tư

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Dự kiến TMĐT/ Khái toán	Dự kiến KH vốn năm 2025	Ghi chú
14	Hoạt động ứng dụng CNTT triển khai hệ thống văn bản điện tử và điều hành tác nghiệp trong CAND	Công an tỉnh	2025	14,00	14,00	Thực hiện theo quy định của ngành dọc
15	Dự án xây dựng hạ tầng Công nghệ thông tin tại Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	2025	30,66	30,66	